

THÍCH THANH TỪ

CHƯƠNG 1

Ý NGHĨA CHƠN THẬT VỀ CÔNG ĐỨC CỦA NHƯ LAI

Pháp Sư TAM TẠNG đời nhà TÔNG (người Trung Ấn Độ) dịch

Tôi nghe như vậy, một thời Phật tại nước Xá Vệ vườn Kỳ thụ Cấp Cô Độc. Khi ấy vua Ba Tư Nặc và phu nhân Mạc Lợi mới tin pháp chưa lâu, hai người cùng bàn nhau rằng: "Thắng Man phu nhân con gái ta, trí huệ thông minh, căn tánh lanh lợi, mau hiểu, dễ ngộ, nếu được gặp Phật chắc chắn mau rõ giáo pháp, tâm không nghi ngờ. Hãy kịp thời khiến tin tưởng phát đạo tâm". Phu nhân thưa: "Nay thật đúng lúc".

Vua và phu nhân gửi thư cho Thắng Man, đại lược ca ngợi công đức vô lượng của Như Lai, rồi sai kẻ nội thị tên Chiên Đề La đem thư đến nước A Du Xà, vào cung dâng Thắng Man.

Thắng Man được thư vui mừng cúi nhận, đọc tụng thọ trì, lấy làm hy hữu, rồi quay sang Chiên Đề La nói bài kệ rằng:

Ta nghe danh tiếng Phật

Đời chưa dễ ai có

Quả lời thư chân thật

Nên ta phải cúng dường

Ngưỡng mong Phật Thế Tôn

Vì thế gian xuất hiện

Xin rủ lòng thương xót

Cho con được trông thấy

Khi sinh ý niệm này

Phật hiện ngay trên không

Hào quang sáng chiếu khắp

Tỏ rõ thân tuyệt vời
Thắng Man cùng quyền thuộc
Quy lạy ở dưới chân
Đều đem tâm thanh tịnh
Ca ngợi Phật công đức
Thân Như Lai nhiệm mầu
Thế gian không sánh kịp
Thật không thể nghĩ bàn
Nên con nay kính lễ.
Sắc Như Lai vô tận
Trí huệ cũng như thân
Tất cả pháp thường trú
Vì vậy con quy y
Hàng phục tâm tội lỗi
Cùng bốn thứ của thân
Cho đến chỗ khó nhất
Vì vậy lễ Pháp vương
Là đáng nhất thiết trí

Trí huệ thân tự tại
Nhiếp trì tất cả pháp
Nên con nay kính lễ
Kính lễ khôn kể xiết
Kính lễ khôn sánh ví
Kính lễ vô biên pháp
Kính lễ khôn nghĩ bàn
Thương xót che chở con
Cho giống pháp thân lớn
Đời nay và đời sau

Xin Phật thường nhiếp thọ
Ta an lập người rồi
Đời trước đã khai giác
Nay lại nhiếp thọ người
Và đời sau cũng vậy
Con đã tạo công đức
Hiện tại và bao đời

Các căn lành như thế
Cúi xin được nhiếp thọ.

Bấy giờ Thắng Man và quyến thuộc lay Phật, đầu mặt áp sát đất. Phật liền ngay ở giữa chúng thọ ký cho phu nhân rằng : "Người ca ngợi công đức chân thật của Như Lai, do căn lành này trong vô lượng kiếp A tăng kỳ sẽ làm vị Đại tự tại vương ở cõi trời cõi người, bất cứ sanh nơi đâu cũng thường được gặp ta và ca ngợi trước mặt ta như hôm nay không khác, rồi lại cúng dường vô lượng vô số A tăng kỳ Phật, quá hai vạn kiếp A tăng kỳ sẽ được thành Phật hiệu Phổ Quang Như Lai Ứng cúng chánh biến tri. Cõi đức Phật ấy không có các đường dữ, già, bệnh suy nhược, buồn rầu không vừa ý khổ, cũng không có tên gọi nghiệp chướng lành hay nghiệp dữ. Chúng sanh cõi ấy, sắc tướng, sức lực, thọ mạng ngũ dục các thứ đều hoàn toàn khoái lạc hơn các cõi trời ở tha hóa tự tại. Chúng sanh cõi ấy thuần chỉ một đại thừa. Các chúng sinh đã tu tập căn lành đều hợp về cõi ấy.

Khi Thắng Man phu nhân được thọ ký, thì vô lượng chúng sanh gồm cả trời người đều nguyện xin về nước ấy. Thế Tôn đều thọ ký cho tất cả sẽ được vãng sanh.



CHƯƠNG 2: MƯỜI ĐIỀU NHẬN LÃNH

Bấy giờ, Thắng Man nghe thọ ký xong, cung kính đứng dậy nhận lãnh mười điều trọng đại:

1. Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay cho đến khi thành tựu Bồ đề, những giới đã thọ con không khởi tâm vi phạm.

2. Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay cho đến khi thành tựu Bồ đề, đối với các bậc Tôn trưởng con không sinh tâm kiêu mạn.

3. Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay cho đến khi thành tựu Bồ đề, đối với chúng sanh con không sanh tâm sân hận.

4. Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay cho đến khi thành tựu Bồ đề, đối với thân sắc và các thứ đồ dùng bên ngoài của người khác con không sanh tâm ganh tị.

5. Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay cho đến khi thành tựu Bồ đề, đối với các pháp bản ngã thân cũng như sở thuộc, con không sinh tâm luyến tiếc.

6. Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay cho đến khi thành tựu Bồ đề, con không vì mình mà thu nhận tích trữ tiền của.

Tất cả những gì nhận được đều đem giúp đỡ chúng sanh nghèo khổ.

7. Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay cho đến khi thành tựu Bồ đề, con không vì mình mà tu hành tứ nhiếp pháp, vì tất cả chúng sanh đem tâm không ái nhiễm, tâm không nhàm đủ, tâm không quái ngại nhiếp thụ chúng sanh.

8. Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay cho đến khi thành tựu Bồ đề, nếu gặp chúng sanh cô độc u phiền, tật bệnh, tai nạn, khốn khổ, con sẽ không bỏ rơi họ, quyết làm cho họ được an ổn vì nghĩa giúp ích khiến thoát các khổ nhiên hậu mới thôi.

9. Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay cho đến khi thành tựu Bồ đề, nếu gặp những kẻ sẵn bản, chăn nuôi những kẻ có các hành động ác và người phạm giới, con sẽ không bỏ qua. Nếu đủ sức thì nơi đâu gặp các chúng sanh ấy, đáng khuất phục con sẽ làm cho phải khuất phục, đáng thu phục con sẽ làm cho thu phục.

Bởi vì sao ? Vì nhờ khuất phục thu phục được họ mà đạo pháp tồn tại lâu dài. Đạo pháp tồn tại lâu dài thì cõi trời cõi người sung mãn, ác đạo giảm đi, có thể vận chuyển bánh xe pháp mà Như Lai đã chuyển. Vì thấy lợi ích như vậy nên cứu độ nhiếp thụ không thôi.

10. Thừa Thế Tôn, kể từ hôm nay cho đến khi thành tựu Bồ đề, con nhiếp thụ chánh pháp không bao giờ để quên mất. Bởi vì sao? Vì quên mất chánh pháp là quên mất đại thừa. Quên mất đại thừa là quên mất Ba la mật. Quên mất Ba la mật thì không yêu thích đại thừa.

Nếu Bồ tát không có quyết dụ đại thừa thì không có khả năng nhiếp thụ chánh pháp một cách tự tại, vĩnh viễn không kham nổi địa vị vượt phàm phu.

Con đã thấy cái sai lầm to lớn vô lượng như vậy. Lại thấy cái phúc lợi vô lượng trong tương lai của bậc đại Bồ tát nhiếp thụ chánh pháp như vậy nên xin chịu sự nhận lãnh trọng đại này.

Xin pháp Phật, chư Thế Tôn hiện tại chứng minh cho con, chỉ có Thế Tôn hiện tiền chứng biết. Còn các chúng sanh căn lành mỏng manh có thể sẽ nghi ngờ cho rằng mười điều nhận lãnh to tát, hết sức khó thực hiện. Có thể họ như những kẻ trong đêm dài làm những lợi cho mình mà hại người nên tâm hồn họ chẳng được yên vui.

Để họ an tâm, nay trước Phật con xin phát lời thệ nguyện thành thật rằng: "Nếu con nhận 10 điều nhận lãnh trọng đại này và làm được như lời đã nói thì do thệ nguyện này xin tiếng trời màu nhiệm vang lên và hoa trời mưa xuống trong đại chúng".

Vừa nói dứt lời, từ hư không hoa trời mưa xuống, có tiếng màu nhiệm vang lên :

"Đúng ! Đúng ! Như lời người nói quả thật không sai !"

Những chúng sanh kia thấy hoa trời và nghe tiếng màu nhiệm, cả chúng hội sạch hết nghi ngờ, vô cùng hoan hỷ phát nguyện thường cùng thực hành với Thắng Man.

Thế Tôn đều thọ ký cho tất cả đại chúng được như lời đã nguyện



CHƯƠNG 3:

BA LỜI NGUYỆN

Bấy giờ Thắng Man lại phát ba lời nguyện lớn trước Phật rằng :

1- Xin đem lời nguyện chơn thật này làm an ổn vô lượng vô biên chúng sanh. Xin do căn lành này đời đời thụ sinh đều được trí tuệ như chánh pháp. Đó là nguyện lớn thứ nhất.

2- Sau khi con được trí tuệ như chánh pháp rồi xin đem tâm không nhàm chán mà nói giảng cho chúng sanh. Đó là nguyện lớn thứ hai.

3- Đối với việc nhiếp thụ chánh pháp, con xin xả bỏ thân mạng tài sản hộ trì chánh pháp. Đó là nguyện lớn thứ ba.

Bấy giờ Thế Tôn liền thọ ký ba nguyện lớn cho Thắng Man :

"Nhu tất cả sắc đều nhập vào cõi không, các hạnh nguyện nhiều như cát sông Hằng của Bồ tát cũng vậy đều nhập vào trong ba nguyện lớn này. Ba nguyện này là chân thật rộng lớn".



CHƯƠNG 4: NHIỆP THỤ

Bấy giờ Thắng Man bạch Phật rằng :

"Nay con lại nương theo oai thần của Phật xin nói về đại nguyện điều phục chân thật không khác."

Phật bảo Thắng Man :

"Cho phép người nói"

Thắng Man bạch Phật:

"Bồ tát có các nguyện lớn như cát sông Hằng tất cả nguyện ấy đều ở trong một nguyện. Đó là nhiếp thụ chánh pháp. Nhiếp thụ chánh pháp thật là nguyện lớn".

Phật khen Thắng Man:

"Hay thay ! Hay thay ! Trí tuệ phương tiện của người sâu xa nhiệm mầu do người đã hằng lâu trồng các căn lành mới được như vậy. Đời sau chúng sanh nào có trồng căn lành từ lâu mới hiểu được lời người nói".

Nhiếp thụ chánh pháp người nói đây là điều mà quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật đã nói, đang nói, sẽ nói. Ta nay được vô thượng Bồ đề cũng thường nói nhiếp thụ chánh pháp như vậy. Ta nói nhiếp thụ chánh pháp có các công đức không bờ bến như thế nào thì trí tuệ biện tài của Như Lai cũng không bờ bến như vậy.

Bởi vì sao ? Vì nhiếp thụ chánh pháp này có công đức lớn, có lợi ích lớn.

Thắng Man bạch Phật:

"Con xin nương theo oai lực của Phật diễn lại ý nghĩa rộng lớn của nhiếp thụ chánh pháp".

Phật bảo: Hãy nói đi !

Thắng Man bạch Phật:

"Ý nghĩa rộng lớn của nhiếp thụ chánh pháp thì vô lượng, vĩ đại như đạt được tất cả Phật pháp và bao la như nhiếp thụ tám vạn bốn ngàn pháp môn".

Ví như khi kiếp mới thành mây lớn nổi lên khắp nơi mưa xuống các cơn mưa màu sắc và nhiều châu báu. Cũng như thế nhiếp thụ chánh pháp mưa vô lượng phúc báu và vô lượng căn lành.

- Thưa Thế Tôn ! Lại như khi kiếp mới thành nước lớn tụ đọng sinh ra ba ngàn đại thiên thế giới tạng và bốn trăm ức các châu. Cũng như thế nhiếp thụ chánh pháp sinh ra vô lượng thế giới tạng đại thừa tất cả sức thần thông của Bồ tát, tất cả niềm vui an ổn của thế gian, tất cả sự tự tại như ý của thế gian và sự an vui xuất thế gian cho đến khi kiếp thành tất cả những gì cõi trời, cõi người chưa có, đều từ đó phát sanh ra cả.

Lại như đại địa gánh chở bốn việc lớn. Bốn việc là gì? Một là biển lớn. Hai là các núi. Ba là cỏ cây. Bốn là chúng sanh. Cũng như thế, thiện nam tử, thiện nữ nơn kiến lập đại địa có thể gánh vác bốn trách nhiệm lớn như đại địa kia.

Bốn trách nhiệm ấy là gì? Là đối với các chúng sanh xa lìa thiện tri thức, không nghe chánh pháp, làm điều phi pháp thì đem căn lành cõi trời, cõi người mà thành thực họ, đối với kẻ cầu Thanh văn thì trao cho pháp Thanh văn, đối với kẻ cầu Duyên giác thì trao cho pháp Duyên giác, đối với kẻ cầu đại thừa thì trao cho pháp đại thừa. Nhiếp thụ chánh pháp là như vậy.

Thiện nam tử, thiện nữ nơn kiến lập đại địa là có khả năng kham nổi bốn trách nhiệm lớn.

"Thưa Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nơn nhiếp thụ chánh pháp như thế là kiến lập đại địa kham nổi bốn trách nhiệm lớn, khắp vì chúng sanh làm người bạn không đờn mời thỉnh, đem lòng từ bi an ủi thương yêu chúng sanh, làm người mẹ pháp cho thế gian.

Lại như đại địa có bốn kho báu. Bốn kho ấy là gì ? Một là vô giá, hai là thượng giá, ba là trung giá, bốn là hạ giá. Đó là bốn kho báu của đại địa. Cũng như thế, thiện nam tử, thiện nữ nơn kiến lập đại địa làm được bốn thứ báu cao tốt cho chúng sanh. Bốn thứ ấy là gì? Là thiện nam tử, thiện nữ nơn nhiếp thụ chánh pháp, đối với chúng sanh không nghe chánh pháp làm điều phi pháp thì đem căn lành công đức cõi trời cõi người mà giáo hóa chúng. Đối với kẻ cầu Thanh văn thì trao cho pháp Thanh văn, đối với kẻ cầu Duyên giác thì trao cho pháp Duyên giác, đối với kẻ cầu đại thừa thì trao cho pháp đại thừa, làm được của báu to lớn cho chúng sanh như vậy là do thiện nam tử, thiện nữ nơn nhiếp thụ chánh pháp mà được công đức kỳ đặc hy hữu này.

Thưa Thế Tôn, cái kho báu lớn đó là nhiếp thụ chánh pháp.

- Thưa Thế Tôn, nhiếp thụ chánh pháp là gì?

Nhiếp thụ chánh pháp không khác chánh pháp. Chánh pháp không khác nhiếp thụ chánh pháp. Chánh pháp tức nhiếp thụ chánh pháp.

Thưa Thế Tôn, nhiếp thụ chánh pháp không khác Ba la mật. Ba la mật không khác nhiếp thụ chánh pháp. Nhiếp thụ chánh pháp tức Ba la mật. Bởi vì sao? Vì thiện nam tử, nữ nhân nào nhiếp thụ chánh pháp, nếu phải vì bố thí mà thành thực chúng sanh thì thực hành bố thí để thành thực, kể đến xả bỏ từng chi tiết thân mạng khéo thuận cơ duyên để đạt tới sự thành thực đó. Sự thành thực chúng sanh kiến lập chánh pháp như thế gọi là đàn Ba la mật.

Nếu phải lấy sự trì giới mà thành thực chúng sanh thì gìn giữ sáu căn thanh tịnh các nghiệp thân, khẩu, ý cả đến giữ đúng bốn oai nghi để khéo thuận cơ duyên đạt tới sự thành thực đó. Sự thành thực chúng sanh kiến lập chánh pháp như thế gọi là thí Ba la mật.

Nếu phải lấy nhẫn nhục để thành thực chúng sanh thì dầu bị chúng sanh mắng nhiếc, sỉ nhục hay khủng bố, dọa nạt vẫn đem lòng không biết giận, đem tâm lợi ích, đem sức nhẫn nhục cao nhất cho đến không thay đổi sắc mặt, để khéo thuận cơ duyên đạt tới sự thành thực đó. Sự thành thực chúng sanh kiến lập chánh pháp như thế gọi là Sằn đề Ba la mật.

Nếu phải dùng tinh tấn để thành thực chúng sanh thì sẽ không sanh lòng biếng trễ mà sanh lòng thích muốn to lớn tinh tấn cao nhất, cả đến trong bốn oai nghi để khéo thuận cơ duyên đạt tới sự thành thực đó. Sự thành thực chúng sanh kiến lập chánh pháp như thế gọi là Tì lê da Ba la mật.

Nếu phải dùng thiền để thành thực chúng sanh thì dùng tâm không tán loạn, tâm không hướng ngoại, chánh niệm cao nhất, cả đến làm việc thời gian lâu, nói năng thời gian lâu cũng không quên thiền định để khéo thuận cơ duyên đạt tới sự thành thực đó. Sự thành thực chúng sanh kiến lập chánh pháp như thế, gọi là Thiên Ba la mật.

Nếu phải dùng trí huệ để thành thực chúng sanh, thì khi chúng sanh hỏi tất cả nghĩa gì cũng sẽ đem lòng không sợ (hãi) mà vì họ giảng nói tất cả lý luận, chỉ bày tất cả công xảo rõ ràng đến nơi đến chốn, cho đến tất cả các thứ công xảo kỹ thuật để khéo thuận cơ duyên đạt tới sự thành thực đó. Sự thành thực chúng sanh kiến lập chánh pháp như thế, gọi là Bát nhã Ba la mật.

Cho nên, thưa Thế Tôn, vì thế mà nói nhiếp thụ chánh pháp không khác Ba la mật, Ba la mật không khác nhiếp thụ chánh pháp. Nhiếp thụ chánh pháp tức Ba la mật.

- Thưa Thế Tôn, nay con nương oai thần của Phật xin nói lại ý nghĩa trọng đại.

Phật bảo : "Hãy nói đi".

Thắng Man bạch Phật:

- "Nhiếp thụ chánh pháp là gì?". Người nhiếp thụ chánh pháp không khác nhiếp thụ chánh pháp, nhiếp thụ chánh pháp không khác người nhiếp thụ chánh pháp. Thiện nam tử, thiện nữ nơn nhiếp thụ chánh pháp tức nhiếp thụ chánh pháp".

Bởi vì sao ? Nếu thiện nam tử, thiện nữ nơn nhiếp thụ chánh pháp, thì vì nhiếp thụ chánh pháp mà xả bỏ ba phần. Ba phần ấy là gì ? Là thân mạng và của cải.

Thiện nam tử, thiện nữ nơn, xả thân thì sau cái sanh tử này sẽ thoát ly, già, bệnh, chết được pháp thân Như Lai công đức không thể nghĩ bàn, thường trú không hư hoại không biến đổi. Xả mạng thì sau cái sanh tử này rất ráo thoát ly sự chết, thường trú vô biên công đức không thể nghĩ bàn, thông suốt tất cả Phật pháp sâu xa. Xả bỏ của cải, thì sau cái sanh tử này sẽ được cái khác hơn tất cả chúng sanh là không hết, không tiêu giảm, rất ráo thường trú, đầy đủ công đức không thể nghĩ bàn, được tất cả chúng sanh cúng dường thù thắng.

- Thưa Thế Tôn, thiện nam tử, thiện nữ nơn xả bỏ ba phần mà nhiếp thụ chánh pháp như thế sẽ được tất cả chư Phật thọ ký, sẽ được tất cả chúng sanh chiêm ngưỡng.

- Thưa Thế Tôn, lại nữa, khi giáo pháp gần diệt thì Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di chia bè lập đảng tranh chấp lẫn nhau, phá hoại ly tán nhau. Bây giờ thiện nam tử, thiện nữ nơn nào nhiếp thụ chánh pháp, lấy sự không đua nịnh không lường gạt, không trá ngụy yêu mến chánh pháp mà nhiếp thụ chánh pháp vào trong bạn pháp. Những người vào trong bạn pháp như thế chắc chắn sẽ được chư Phật thọ ký.

- Thưa Thế Tôn, con thấy các sức nhiếp thụ chánh pháp to lớn như vậy. Phật có con mắt chân thật, có trí huệ chân thật . Phật là căn bản của pháp, là pháp thông suốt, là chỗ y sơ ủy của chánh pháp cũng sẽ thấy biết tất cả.

Bây giờ, Thế Tôn đối với sức tinh tấn lớn nhiếp thụ chánh pháp mà Thắng Man vừa nói khởi tâm tùy hỷ bảo rằng:

"Đúng vậy Thắng Man ! Như người đã nói, sức tinh tấn nhiếp thụ chánh pháp như sức của một đại lực sĩ ai đụng phải sẽ bị đau đớn lắm.

- Thắng Man ! Người nhiếp thụ chánh pháp, dù một ít thôi cũng làm các ma khổ não. Ta chưa thấy một pháp lành nào khiến ma khổ não như nhiếp thụ chánh pháp dù một ít thôi.

Cũng như con bò chúa hình sắc đẹp hơn tất cả những bò khác. Nhiếp thụ một ít chánh pháp đại thừa là hơn tất cả các căn lành của nhị thừa, vì pháp đại thừa là rộng lớn.

Cho nên này Thắng Man ! Hãy dùng nhiếp thụ chánh pháp khai hóa chúng sanh dạy dỗ chúng sanh, kiến lập chúng sanh.

Thắng Man ! Nhiếp thụ chánh pháp như thế đó, lợi lớn như vậy đó, phúc lớn như vậy đó, quả lớn như vậy đó.

Thắng Man ! Ta trong bao số kiếp A tăng kỳ đã nói ý nghĩa và lợi ích không bờ bến của công đức nhiếp thụ chánh pháp. Cho nên nhiếp thụ chánh pháp có công đức vô lượng vô biên.



CHƯƠNG 5: NHẤT THỪA

Phật bảo Thắng Man: " Người nay hãy nói lại những gì tất cả chư Phật đã nói về nhiếp thụ chánh pháp".

Thắng Man bạch Phật: "Hay thay Thế Tôn, con xin vâng lời dạy bảo".

Rồi bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn, nhiếp thụ chánh pháp tức Ma ha diễn. Bởi vì sao ? Vì Ma ha diễn sinh ra tất cả pháp lành Thanh văn, Duyên giác thế gian và xuất thế gian.

- Thưa Thế Tôn, như ao A nậu to lớn phát sanh các con sông lớn, Ma ha diễn cũng sanh ra tất cả pháp lành Thanh văn, Duyên giác thế gian và xuất thế gian.

- Thưa Thế Tôn, cũng như tất cả hạt giống đều từ đất sinh trưởng, tất cả các pháp lành của Thanh văn Duyên giác thế gian và xuất thế gian cũng thế đều từ pháp đại thừa mà được tăng trưởng.

Cho nên thừa Thế Tôn, trụ nơi đại thừa nhiếp thụ đại thừa tức là trụ nơi nhị thừa nhiếp thụ tất cả pháp lành thế gian và xuất thế gian của nhị thừa như Thế Tôn nói sáu pháp. Sáu pháp là gì ? Là chính pháp trụ, chính pháp diệt, Ba la đề mộc xoa, tỳ ni, xuất gia, thọ cụ túc. Vì đại thừa mà nói sáu pháp này.

Bởi vì sao ? Vì nói chánh pháp trụ là vì đại thừa mà nói. đại thừa trụ tức chánh pháp trụ. Nói chánh pháp diệt là vì đại thừa mà nói. Vì đại thừa diệt tức chánh pháp diệt. Ba la đề mộc xoa và tỳ ni, hai pháp này một nghĩa mà hai tên, Tỳ ni là cái học của đại thừa.

Bởi vì sao ? Vì y theo Phật xuất gia mà thọ cụ túc, nên nói đại thừa oai nghi giới là tỳ ni, là xuất gia là thọ cụ túc. Vì thế A la hán không xuất gia thọ cụ túc.

Bởi vì sao ? Vì A la hán y theo Như Lai xuất gia thọ cụ túc, nên A la hán quy y Phật, A la hán có nỗi sợ hãi.

Bởi vì sao ? Vì A la hán đối với tất cả vô hành vẫn còn tâm tưởng sợ hãi như người cầm kiếm muốn đến hại mình.

Cho nên A la hán không có cái vui cứu cánh

Bởi vì sao ? Thừa Thế Tôn, quy y là quy y với bậc không phải y vào ai nữa. Như chúng sanh không nơi nương tựa chúng sợ hãi, vì sợ hãi mà cầu quy y. Như A la hán có sợ hãi, vì sợ hãi mà quy y Như Lai.

- Thừa Thế Tôn, A la hán, Bích chi Phật có sợ hãi nên A la hán, Bích chi Phật là hữu dư, sinh pháp không diệt hết nên có sinh. Phạm hạnh chưa tròn nên không thuần. Sự chưa rốt ráo nên còn sở tác. Vượt thoát chưa hết nên còn phải đoạn diệt. Do không đoạn diệt hết nên cách cảnh giới Niết bàn còn xa.

Bởi vì sao ? Vì chỉ Như Lai ứng chánh đẳng giác được Niết bàn trọn vẹn, thành tựu tất cả công đức. Còn A la hán, Bích chi Phật không thể thành tựu tất cả công đức. Nói được Niết bàn là Phật phương tiện nói.

Vì chỉ Như Lai mới được Niết bàn trọn vẹn thành tựu vô lượng công đức không thể nghĩ bàn. còn A la hán, Bích chi Phật thành tựu A la hán còn nghĩ bàn được. Nói được Niết bàn là Phật phương tiện nói.

Vì chỉ Như Lai mới được Niết bàn trọn vẹn. Tất cả lỗi lầm phải đoạn trừ đã đoạn trừ hết, thành tựu thanh tịnh cao tột. Còn A la hán, Bích chi Phật có lỗi lầm còn sót, chưa phải thanh tịnh cao tột. Nói được Niết bàn là Phật phương tiện nói.

Vì chỉ Như Lai nói được Niết bàn trọn vẹn là bậc cho tất cả chúng sanh chiêm ngưỡng, vượt quá cảnh giới A la hán, Bích chi Phật và Bồ tát nên A la hán, Bích chi Phật cách cảnh giới Niết bàn còn xa.

Nói A la hán, Bích chi Phật quán sát giải thoát, cứu cánh được bốn trí, đạt tới an trụ Niết bàn, cũng là Như Lai phương tiện nói, chưa rốt ráo chưa hết ý.

Bởi vì sao? Vì có hai thứ chết, hai thứ là gì? Là chết phần đoạn và chết biến dịch không thể nghĩ bàn. Chết phần đoạn là cái chết của chúng sanh hư ngụy. Chết biến dịch không thể nghĩ bàn là chỉ y sinh thân của A la hán, Bích chi Phật, đại lực Bồ tát trong tiến trình đến cứu cánh vô thượng Bồ đề.

Trong hai cái chết, đứng về chết phần đoạn thì trí A la hán, Bích chi Phật có thể nói được là "đời ta đã hết" được quả hữu dư, nên nói "phạm hạnh đã lập" phàm phu người và trời chưa làm xong, người học trong bảy chúng chưa làm được, còn A la hán, Bích chi Phật đã đoạn các phiền não hư ngụy nên nói "đã làm xong" A la hán, Bích chi Phật đoạn được các phiền não không thụ hậu hữu lại nên nói "không thụ hậu hữu" chứ

không phải đã diệt tất cả phiền não cũng không phải là chấm dứt tất cả sự thụ sinh mà nói là không thụ hậu hữu.

Bởi vì sao ? Vì có những phiền não mà A la hán, Bích chi Phật không đoạn được. Phiền não có hai thứ. Hai thứ là gì ? Là trụ địa phiền não và khởi phiền não.

Trụ địa có bốn thứ. Bốn thứ là gì ? Là kiến nhất xứ trụ địa, dục ái trụ địa, sắc ái trụ địa và hữu ái trụ địa.

Bốn thứ trụ địa này sinh ra tất cả khởi phiền não. Khởi phiền não là tâm sát na duyên theo cảnh thì phiền não sát na tương ưng.

- Thưa Thế Tôn ! Tâm không tương ưng vô thủy vô minh trụ địa.

- Thưa Thế Tôn ! Sức của bốn trụ địa này làm chỗ dựa cho tất cả thường phiền não nảy sinh, nhưng so với vô minh trụ địa thì dù tính toán thí dụ cũng không sao bì kịp.

- Thưa Thế Tôn ! Như vậy vô minh trụ địa đối với hữu ái và số bốn trụ địa sức của vô minh trụ địa lớn hơn cả.

Ví như ác ma ba tuần, sắc lực, thọ mạng, quyền thuộc, vật dụng sự tự tại hơn hẳn trời Tha hóa tự tại. Cũng như thế sức lực của vô minh trụ địa hơn cả so với hữu ái và số bốn trụ địa.

Số thượng phiền não như cát sông Hằng đều dựa vào vô minh này mà thành lập, đồng thời cũng khiến bốn thứ phiền não tồn tại lâu dài. Trí của A la hán, Bích chi Phật không thể đoạn được. Chỉ trí giác ngộ của Như Lai mới đoạn trừ được mà thôi.

Như vậy thưa Thế Tôn ! Vô minh trụ địa có sức lớn nhất.

Lại như thủ duyên nghiệp nhân hữu lậu sanh tam hữu, cũng thể vô minh trụ địa duyên nghiệp nhân vô lậu sanh ra ba thứ ý sinh thân của A la hán, Bích chi Phật và đại lực Bồ tát.

Ba bậc này là sự sinh của ba thứ ý sinh thân kia, cùng sự sinh của nghiệp vô lậu đều do từ ý vô minh trụ địa ra. Rõ ràng vô minh và chúng có tác duyên với nhau mới có sinh, chứ không phải không duyên mà có. Cho nên, ba thứ ý sinh và nghiệp vô lậu đều duyên vô minh trụ địa.

- Thưa Thế Tôn ! Như vậy hữu ái trụ địa và số bốn trụ địa không đồng nghiệp với vô minh trụ địa. Sự phân ly của vô minh trụ địa khác sự phân ly của bốn trụ địa. Đến Phật địa mới đoạn trí Bồ đề của Phật mới đoạn được.

Bởi vì sao ? Vì A la hán, Bích chi Phật đoạn trừ bốn thứ trụ địa nhưng không tốt cùng vô lậu không được sức tự tại cũng không chứng được. Chỗ không tốt cùng vô lậu đó là vô minh trụ địa.

- Thưa Thế Tôn ! A la hán, Bích chi Phật và tối hậu thân Bồ tát còn bị vô minh trụ địa ngăn che nên đối với tất cả pháp không thấu triệt, không giác ngộ. Do không thấy biết tỏ rõ thấu suốt ấy nên đối với cái phải đoạn trừ không đoạn trừ được, không rốt ráo được. Do không đoạn được nên gọi là hữu dư quá giải thoát, chứ không phải ly nhất thiết quá giải thoát, gọi là hữu dư thanh tịnh chứ không phải nhất thiết thanh tịnh gọi là thành tựu hữu dư công đức, chứ không phải nhất thiết công đức. Do chỉ mới thành tựu hữu dư giải thoát, hữu dư thanh tịnh, hữu dư công đức nên chỉ mới biết cái khổ hữu dư, đoạn cái tập hữu dư, chứng cái diệt hữu dư, tu cái đạo hữu dư. Như thế gọi là được thiểu phần Niết bàn. Được thiểu phần Niết bàn gọi là hướng Niết bàn giới.

Nếu biết tất cả khổ, đoạn tất tập, chứng tất cả diệt, tu tất cả đạo thì trong thế gian vô thường hoại vô thường bệnh được thường trú Niết bàn, trong thế gian không nơi che chở, không nơi nương tựa làm nơi che chở nương tựa cho thế gian.

Vì có sao ? Vì pháp không ưu liệt nên được Niết bàn. Trí huệ bình đẳng nên được Niết bàn. Giải thoát bình đẳng nên được Niết bàn. Thanh tịnh bình đẳng nên được Niết bàn. Cho nên Niết bàn chỉ có một vị bình đẳng. Đó là vị giải thoát.

- Thưa Thế Tôn ! Nếu vô minh trụ địa không đoạn, đoạn không rốt ráo thì không được cái nhất vị bình đẳng là vị giải thoát vô minh.

Bởi vì sao? Vì vô minh trụ địa không đoạn, đoạn không rốt ráo được các pháp phải đoạn nhiều hơn số cát sông Hằng, nên đối với tất cả pháp nhiều hơn số cát sông Hằng cần phải đạt thì không đạt được, cần phải chứng thì không thể chứng. Cho nên vô minh trụ địa tích tụ sinh ra tất cả tu đạo đoạn phiền não, thượng phiền não,

Vô minh trụ địa kia sinh ra tâm thượng phiền não chỉ thượng phiền não, quán thượng phiền não, thiền thượng phiền não, chính thụ thượng phiền não, phương tiện thượng phiền não, trí thượng phiền não, quả thượng phiền não, đặc thượng phiền não, vô úy thượng phiền não.

Tất cả những thượng phiến não nhiều hơn số cát sông Hằng ấy, trí Bồ đề của Như Lai đoạn trừ hết. Tất cả đều từ vô minh trụ địa kiến lập tất cả thượng phiến não khởi lên đều nhân vô minh trụ địa duyên vô minh trụ địa mà ra cả.

- Thưa Thế Tôn ! Từ đời đó khởi lên các phiến não, tận sát na duyên cảnh thì phiến não sát na tương ưng.

- Thưa Thế Tôn ! Tâm không tương ưng vô thủy vô minh trụ địa.

- Thưa Thế Tôn ! Nếu các pháp mà trí Bồ đề của Như Lai đoạn trừ còn nhiều hơn số cát sông Hằng, thì tất cả pháp ấy đều do vô minh trụ địa duy trì và kiến lập. Ví như tất cả mọi hạt giống đều từ đất sanh ra, kiến lập và tăng trưởng. Nếu đất bị hủy hoại chúng cũng sẽ bị hủy hoại theo. Cũng thế, các pháp mà trí Bồ đề của Như Lai đoạn trừ nhiều hơn số cát sông Hằng ấy, tất cả đều từ vô minh trụ địa sinh ra kiến lập và tăng trưởng. Nếu vô minh trụ địa đoạn được thì các pháp nhiều hơn số cát sông Hằng mà trí Bồ đề của Như Lai đoạn trừ kia cũng đoạn diệt theo.

Như thế là đoạn hết tất cả phiến não, thượng phiến não, đối với tất cả pháp sở đắc của Như Lai nhiều hơn số cát sông Hằng được thông đạt vô ngại tất cả tri kiến, lia tất cả lỗi lầm, được tất cả công đức, tự tại như pháp vương pháp chủ, bước lên địa vị tự tại đối với tất cả pháp.

Như Lai ứng chánh đẳng giác là bậc nói lên tiếng nói chân thật không sợ hãi như tiếng sư tử rống rằng "Đời ta đã hết phạm hạnh đã lập việc làm đã xong, không thụ hậu hữu". Cho nên Thế Tôn đã dùng tiếng rống của con sư tử y theo nghĩa rống ráo mà nói thẳng như vậy.

- Thưa Thế Tôn ! Có hai loại bất thụ hậu hữu trí. Nghĩa là Như Lai là bậc vô thượng điều ngự hàng phục bốn ma, ra khỏi tất cả thế gian, được tất cả chúng sanh chiêm ngưỡng, được pháp thân không thể nghĩ bàn, trong tất cả bậc trí Bát nhã, được pháp tự tại vô ngại không còn bậc nào cao hơn phải bàn, không còn địa vị nào cao hơn để đạt tới, mười lực dũng mãnh bước lên địa vị đệ nhất vô thượng úy. Tất cả trí bát nhã trí quán vô ngại không cho ai khác, đó là bậc thụ hậu hữu, trí quyết định đạo lý chân thật như tiếng rống con sư tử.

-Thưa Thế Tôn ! A la hán, Bích chi Phật khi vượt qua nỗi sợ hãi của sinh tử, theo cấp độ được cái vui giải thoát sinh ý tưởng cứu cánh rằng: "Ta đã lìa khỏi nỗi sợ hãi của sanh tử, không còn chịu nỗi khổ sanh tử".

- Thưa Thế Tôn ! A la hán, Bích chi Phật khi quán sát, được cái quán trí bất thụ hậu hữu Niết bàn an nghỉ cao tột.

- Thưa Thế Tôn ! A la hán, Bích chi Phật kia ở địa vị mới đạt được, không ngu muội đối với pháp sở đắc, thấy không do ai khác và cũng tự biết rằng được địa vị hữu dư thì chắc chắn sẽ được A nậu Đa la tam miệu tam Bồ đề.

Bởi vì sao ? Vì Thanh văn, Duyên giác thừa đều nhập vào đại thừa. Đại thừa tức là Phật thừa. Cho nên tam thừa tức là nhất thừa. Được nhất thừa tức là được A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề. A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề tức cảnh giới Niết bàn. Cảnh giới Niết bàn tức Như Lai pháp thân. Được pháp thân cứu cánh thì được nhất thừa cứu cánh, không khác Như Lai không khác pháp thân Như Lai tức pháp thân, được pháp thân cứu cánh thì cứu cánh được nhất thừa. Cứu cánh tức vô biên bất đoạn.

- Thưa Thế Tôn ! Như Lai thường trụ vô hạn thời gian. Như Lai ứng chánh đẳng giác về sau cũng thường trú như vậy. Như Lai tâm đại bi vô hạn, hạnh an úy thế gian cũng vô hạn, đại bi vô hạn, an úy thế gian vô hạn, nói thế tức khéo ca ngợi, công đức Như Lai. Nếu lại nói Như Lai là pháp vô tận, là pháp thường trú, là nơi cho tất cả thế gian quy y, nói thế cũng là khéo ca ngợi công đức của Như Lai. Cho nên đối với thế gian chưa được độ thoát, đối với thế gian không nơi nương tựa, cho đến tột cùng vị lai, bậc hằng làm nơi quy y vô tận, làm bậc thường trú quy y, gọi là Như Lai ứng Chánh đẳng giác.

Pháp là nói đạo nhất thừa, Tăng là chúng tam thừa. Hai quy y này chưa phải cứu cánh quy y mà là thiếu phần quy y. Bởi vì sao ? Vì pháp nói đạo nhất thừa được pháp thân cứu cánh mà trên đó lại không nói đến pháp thân nhất thừa. chúng tam thừa vì có nỗi sợ hãi mà quy y Như Lai cầu xuất gia tu học, hướng đến A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề. Cho nên hai quy y này chưa phải quy y rốt ráo mà là quy y còn giới hạn.

Nếu có chúng sanh được Như Lai điều phục quy y Như Lai, được thấm nhuần đạo pháp, sinh lòng tin vui yêu thích mà quy y pháp tăng, thì hai quy y này không phải hai quy y ấy mà là quy y Như Lai. Quy y đệ nhất nghĩa là quy y Như Lai. Hai quy y này, quy

y đệ nhất nghĩa là cứu cánh quy y Như Lai. Bởi vì sao? Vì pháp tạng không khác Như Lai, Như Lai không không khác hai, quy y Như Lai tức quy y đủ ba.

Bởi vì sao ? Vì nói đạo nhất thừa là nói Như Lai thành tựu bốn thứ không sợ hãi, như tiếng rống sư tử. Còn Như Lai có tùy theo ý muốn nhỏ hẹp của nhị thừa mà phương tiện nói, thì đó cũng là đại thừa, không có tam thừa, tam thừa nhập vào trong nhất thừa. Nhất thừa tức là đệ nhất nghĩa thừa hay là Phật thừa.



CHƯƠNG 6: VÔ BIÊN THÁNH ĐẾ.

- Thưa Thế Tôn ! Thanh văn Duyên giác khi mới quán thánh đế, nếu dùng nhất trí đoạn các trụ địa, dùng cái nhất trí đủ cả bốn mà đoạn trừ hiểu biết tu tập và chứng đắc thì cũng hiểu rõ được nghĩa của bốn pháp này.

- Thưa Thế Tôn ! Không có cái thượng thượng trí xuất thế gian mà bốn trí lại đạt tới dần dần và bốn duyên đưa tới dần dần. Cái pháp không có sự lần lượt dần dần đó là thượng thừa trí xuất thế gian.

- Thưa Thế Tôn ! Thí dụ như kim cương, đó là đệ nhất nghĩa trí.

- Thưa Thế Tôn ! Đệ nhất nghĩa trí ấy không phải như Sơ thánh đế trí của Thanh văn Duyên giác chưa đoạn vô minh trụ địa.

- Thưa Thế Tôn ! Vì thánh đế trí không hai thứ mà khéo đoạn các trụ địa.

- Thưa Thế Tôn ! Không phải như cảnh giới của tất cả Thanh văn, cái không trí không thể nghĩ bàn của Như Lai ứng chánh đẳng chánh giác đoạn trừ tất cả phiền não tạng.

- Thưa Thế Tôn ! Nếu đoạn trừ được tất cả phiền não tạng thì cái trí cứu cánh đó là đệ nhất nghĩa trí. Sơ thánh đế trí không phải là trí đã cứu cánh, chỉ mới là trí hướng đến A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

Thưa Thế Tôn ! Nghĩa của thánh không phải để chỉ cho tất cả Thanh văn Duyên giác. Thanh văn Duyên giác thành tựu công đức có hạn lượng, Thanh văn Duyên giác thành tựu thiếu phần công đức, vì vậy mà gọi là thánh.

Thánh đế không phải đế lý của Thanh văn Duyên giác, cũng không phải công đức Thanh văn Duyên giác.

- Thưa Thế Tôn ! Đế lý này Như Lai ứng đẳng chánh giác trước tiên giác ngộ được, sau vì thế gian bị vô minh bao phủ mà mở bày giảng dạy. Nên gọi là thánh đế.



CHƯƠNG 7: NHƯ LAI TẠNG

Nói đến nghĩa lý thâm sâu của thánh đế thì vi tế khó hiểu, không thuộc phạm vi suy nghĩ ước lượng. Đó là điều người trí có thể hiểu được, mà cả thế gian không thể tin.

Bởi vì sao ? Vì đây là nói về Như Lai tạng rất sâu xa, Như Lai tạng là cảnh giới của Như Lai, Như Lai tạng không phải là chỗ mà tất cả Thanh văn Duyên giác có thể biết đến được.

Từ nơi Như Lai tạng mà nói nghĩa của Thánh Đế Như Lai tạng là chỗ rất sâu xa, nên nói thánh đế rất sâu xa vi tế khó hiểu không thuộc phạm vi của tư lương. Đó là chỗ người trí có thể hiểu được mà cả thế gian không thể tin



CHƯƠNG 8: PHÁP THÂN

Nếu đối với vấn đề Như Lai tạng bị trói buộc bởi vô lượng phiền não mà không nghi hoặc thì đối với vấn đề pháp thân ra khỏi phiền não tạng cũng phải không nghi hoặc.

Lại nữa, nếu nghe nói Như Lai tạng, Như Lai pháp thân, cảnh giới Phật bất tư nghì và phương tiện thuyết, mà tâm xác tín quyết định như thế mới tin hiểu lý hai thánh đế.

Như vậy cái khó hiểu khó rõ là ý nghĩa của lý hai thánh đế.

Thế nào là ý nghĩa lý hai thánh đế. Đó là ý nghĩa của lý thánh đế hữu tác và lý thánh đế vô tác.

Ý nghĩa của lý thánh đế hữu tác là ý nghĩa của lý bốn thánh đế trong phạm vi có hạn lượng.

Bởi vì sao ? Vì không phải nhân cái khác mà có thể biết được tất cả khổ, đoạn được tất cả tập, chứng được cứu cánh diệt, tu được tất cả đạo.

Cho nên thừa Thế Tôn, có cái sanh tử hữu vi, có cái sanh tử vô vi, Niết bàn cũng vậy, có hữu dư và vô dư.

Ý nghĩa của lý thánh đế vô tác là ý nghĩa của tứ thánh đế không hạn lượng.

Bởi vì sao ? Vì có thể dùng sức chính mình biết được tất cả thụ khổ, hoại được tất cả thụ tập, cứu cánh được thụ diệt, tu được tất cả thụ diệt đạo..

Như vậy là có tám thánh đế, Như Lai chỉ nói bốn thánh đế.

Ý nghĩa của bốn thánh đế vô tác ấy chỉ Như Lai ứng chánh đẳng giác là được kết quả cứu cánh chứ không phải kết quả cứu cánh của A la hán, Bích chi Phật.

Bởi vì sao ? Vì không phải có ba pháp hạ trung thượng riêng biệt được Niết bàn.

Bởi vì sao ? Như Lai ứng chánh đẳng chánh giác đạt được kết quả cứu cánh đối với ý nghĩa của bốn thánh đế vô tác, vì tất cả Như Lai ứng đẳng Chánh giác biết tất cả khổ vị lai, đoạn tất cả phiền não, để nhiếp thụ tất cả tập, diệt tất cả ý sinh thân, trừ tất cả khổ diệt mà chứng được.

Thừa Thế Tôn ! Không phải như hoại pháp nên gọi là khổ diệt. Nói khổ diệt là nói vô thủy vô tác, vô khởi vô tận, ly tận, thường trú, tự tánh thanh tịnh, lìa tất cả phiền não tạng.

- Thưa Thế Tôn ! Đối với phiền não nhiều hơn số cát sông Hằng, không ly, không thoát, không khác mà thành tựu được Phật pháp không thể nghĩ bàn, đó là Như Lai pháp thân.

- Thưa Thế Tôn ! Cái Như Lai pháp thân không ly phiền não tạng đó gọi là Như Lai tạng.



CHƯƠNG 9: KHÔNG NGHĨA ẮN PHÚ CHÂN THẬT

Thưa Thế Tôn ! Như Lai tạng trí là Như Lai không trí.

- Thưa Thế Tôn ! Như Lai tạng là cái mà tất cả A la hán, Bích chi Phật, đại lực Bồ tát vốn không thấy được, vốn không đạt được.

- Thưa Thế Tôn ! Có hai loại Như Lai tạng không trí.

- Thưa Thế Tôn ! Không Như Lai tạng là hoặc lìa hoặc thoát hoặc khác tất cả phiền não tạng.

- Thưa Thế Tôn ! Bất không Như Lai tạng là Phật pháp không thể nghĩ bàn, mà quá hơn số cát sông Hằng, không lìa, không khác, không chi khác.

- Thưa Thế Tôn ! Hai không trí này các đại Thanh văn có thể tin ở Như Lai, còn không trí của tất cả A la hán, Bích chi Phật thì bị chuyển đảo trong bốn cảnh giới không diên đảo. Cho nên tất cả A la hán, Bích chi Phật vốn không thấy được, vốn không đạt được trạng thái tất cả khổ diệt. Chỉ Phật mới chứng được, mới loại được tất cả phiền não tạng tu con đường diệt tất cả khổ.



CHƯƠNG 10: MỘT THÁNH ĐẾ

- Thưa Thế Tôn ! Bốn thánh đế này, ba cái là vô thường, một cái là thường.

Bởi vì sao ? Vì ba đế nhập vào tướng hữu vi. Nhập vào tướng hữu vi là vô thường. Vô thường là pháp hư vọng. Pháp hư vọng thì không chân thật, không thường trú không là chỗ sở y.

Cho nên khổ đế, tập đế, đạo đế không phải đệ nhất nghĩa đế, không phải thường trú, không phải chỗ sở y.



CHƯƠNG 11: MỘT SỞ Y

Một đế diệt khổ là tướng hữu vi, là tướng hữu vi là thường, thường là không phải pháp hư vọng. Không phải pháp hư vọng là chân thật, là thường trú là chỗ sở y.

Cho nên diệt đế là đệ nhất nghĩa đế.



CHƯƠNG 12: ĐIÊN ĐẢO VÀ CHÂN THẬT

Không thể nghĩ bàn là diệt đế vượt quá cảnh giới sở duyên của tâm thức tất cả chúng sanh, và cũng vượt quá cảnh giới trí tuệ của tất cả A la hán, Bích chi Phật.

Ví như trẻ mới sanh đã bị mù mắt không thấy được các màu sắc. Như trẻ mới sanh bảy ngày không thấy vầng mặt trời. Chân lý diệt khổ cũng vậy, không phải cảnh giới sở duyên của tâm thức tất cả phàm phu, cũng không phải cảnh giới trí tuệ của nhị thừa.

Tâm thức của phàm phu có hai kiến chấp điên đảo. Trí huệ của tất cả A la hán, Bích chi Phật thì thanh tịnh.

Biên kiến nghĩa là phàm phu đối với năm thụ ấm thì chấp ngã, vọng tưởng trói buộc mà sinh ra hai kiến chấp gọi là biên kiến. Đó là thường kiến và đoạn kiến.

Thấy các pháp vô thường là đoạn kiến không phải chánh kiến. Thấy Niết bàn thường là thường kiến, không phải chánh kiến. Vì do vọng tưởng thấy thế nên có kiến chấp như vậy.

Đối với các căn của thân, phân biệt tư duy hiện pháp thấy có hư hoại còn cái liên tục không dứt thì không thấy, nên sinh đoạn kiến. Đó là do vọng tưởng nên thấy vậy.

Đối với tâm thức nối nhau liên tục thì ngu tối không rõ, không biết đó là cảnh giới của ý và thức trong từng sát na, nên sinh thường kiến. Đó là do vọng tưởng nên thấy như vậy.

Cái kiến chấp vọng tưởng này, đối với nghĩa kia, khi thái quá khi bất cập mà nảy sinh ý tưởng phân biệt khác đi, hoặc đoạn hoặc thường, chúng sanh điên đảo đối với năm thụ ấm vô thường tưởng thường, khổ tưởng có vui, vô ngã tưởng ngã, bất tịnh tưởng tịnh.

Đối với tịnh trí của tất cả A la hán, Bích chi Phật thì vốn không biết đến cảnh giới nhất thiết trí và Như Lai pháp thân, nhưng nếu có chúng sanh vì tin lời Phật nói mà sanh ý tưởng về thường lạc ngã tịnh thì đó không phải kiến chấp điên đảo, đó là chánh kiến.

Bởi vì sao ? Vì Như Lai pháp thân là thường Ba la mật, lạc Ba la mật, ngã Ba la mật, tịnh Ba la mật. Có kiến giải về pháp thân Phật là chánh kiến.

Người có chánh kiến là thật sự Phật tử, từ miệng Phật sanh, từ chánh pháp sanh, từ pháp Phật hóa sanh, được của cải giáo pháp thặng dư.

- Thừa Thế Tôn, tịnh trí này là trí Ba la mật của tất cả A la hán, Bích chi Phật. Tịnh trí này tuy nói là tịnh trí vẫn không phải cảnh giới của hai thức diệt đế kia, huống nữa là trí bốn y.

Bởi vì sao ? Vì tam thừa sơ nghiệp nếu không ngu pháp, sẽ giác ngộ chứng đắc lý kia. Thế Tôn nói bốn y chính vì họ. Thừa Thế Tôn bốn y này là pháp thế gian.

Thừa Thế Tôn ! Một sở y là nơi y. Chỉ trên tất cả sở y xuất thế gian đệ nhất nghĩa cao tột chính là diệt đế.



CHƯƠNG 13: TỰ TÁNH THANH TỊNH

- Thưa Thế Tôn ! Sinh tử y nơi Như Lai tạng vì do Như Lai tạng nên nói bản thể bất khả tri.

- Thưa Thế Tôn ! Có Như Lai tạng nên nói có sanh tử. Thế là nói đúng.

- Thưa Thế Tôn ! Sinh tử là gì ? Sinh tử nghĩa là khi các thụ căn tàn tạ, lần lượt phát khởi tình trạng bất thụ căn. Thế là sanh tử.

- Thưa Thế Tôn ! Hai pháp sanh tử này là Như Lai tạng. Nói theo thế gian nên có tử có sinh, tử là căn hoại, sinh là các căn mới phát khởi. Đâu phải Như Lai tạng có sinh có tử. Như Lai tạng xa lìa tướng hữu vi. Như Lai tạng thường trú bất biến. Cho nên Như Lai tạng là nơi y chỉ duy trì và kiến lập.

- Thưa Thế Tôn ! Không lìa không đoạn, không thoát không khác là Phật pháp không thể nghĩ bàn.

- Thưa Thế Tôn ! Làm chỗ sở y duy trì và kiến lập cho các pháp hữu vi bên ngoài có tính đoạn có khác là Như Lai tạng.

- Thưa Thế Tôn ! Nếu không có Như Lai tạng, không có chán khổ cầu vui Niết bàn.

Bởi vì sao ? Vì đối với sáu thức này và tâm pháp trí, bảy pháp này không dừng lại ở một sát na nào, nó không gieo trồng các khổ nên không chán khổ cầu vui Niết bàn.

- Thưa Thế Tôn ! Như Lai tạng là pháp không có tiền tế, không khởi, không diệt, ở đó gieo trồng các khổ nên mới có chán khổ cầu vui Niết bàn.

- Thưa Thế Tôn ! Như Lai tạng là phi ngã, phi chúng sanh, phi mạng và phi nhân.

Như Lai tạng không phải cảnh giới của chúng sanh kiến chấp về thân hay của chúng sanh có tướng điên đảo hay chúng sanh loạn ý về không.

- Thưa Thế Tôn ! Như Lai tạng là pháp giới tạng, là pháp thân tạng, là xuất thế gian thượng thượng tạng là tự tánh thanh tịnh tạng.

Tánh thanh tịnh của Như Lai tạng này thế mà khách trần phiền não và thượng phiền não làm nhiễm ô cảnh giới không thể nghĩ bàn của Như Lai.

Bởi vì sao ! Tâm thiện trong sát na chẳng bị phiền não nhiễm. Tâm bất thiện trong sát na cũng chẳng bị phiền não nhiễm. Phiền não chẳng chạm tâm, tâm chẳng chạm phiền não. Thế làm sao các pháp không chạm xúc lại nhiễm tâm được ?

- Thưa Thế Tôn ! Vậy mà có phiền não nhiễm tâm cái tự tánh thanh tịnh tâm mà có nhiễm là điều khó hiểu được. Duy Phật Thế Tôn là bậc thật nhãn thật trí, là căn bản của pháp, là pháp thông suốt là sở y của chánh pháp mới có chánh tri kiến như thật.

Khi Thắng Man phu nhân nói pháp khó hiểu này và đem hỏi Phật, Phật liền tùy hỷ.

Đúng vậy ! Đúng vậy ! Tự tánh thanh tịnh tâm mà có nhiễm ô là điều khó hiểu rõ được, đó là hai pháp khó hiểu rõ được là tự tánh thanh tịnh tâm là điều khó hiểu rõ. Tâm ấy bị phiền não nhiễm ô cũng là điều khó hiểu rõ, chỉ có người và sức Bồ tát Ma ha tát đã thành tựu đại pháp mới có thể nghe và nhận lãnh, còn bao nhiêu Thanh văn chỉ biết tin lời Phật nói.



CHƯƠNG 14: CHÂN THẬT ĐỆ TỬ

Nếu đệ tử ta hành tùy tín, tăng thượng, y minh tính rồi tùy thuận pháp trí thì được cứu cánh.

Tùy thuận pháp trí là quán sát sự thí thiết của các căn quán sát cảnh giới ý giải, quán sát lý nghiệp báo, quán sát trạng thái miên man của A la hán, quán sát tâm vui tự tại, vui cảnh thiền, quán sát thánh tự tại thông của A la hán, Bích chi Phật, đại lực Bồ tát.

Thành tựu 5 pháp quán khéo léo phương tiện này thì trong đời vị lai sau khi ta diệt độ, đệ tử ta hành tùy tín, tín tăng thượng, y minh tín tùy thuận pháp trí, cái tự tín thanh tịnh tâm bị phiền não nhiễm ô kia sẽ được cứu cánh. Cứu cánh này là nhân của đại thừa đạo. Tin Như Lai được lợi ích lớn như vậy, chớ nên hủy báng ý nghĩa sâu.



CHƯƠNG 15: THẮNG MAN

Bấy giờ Thắng Man bạch Phật rằng: "Còn có những lợi ích lớn nữa, con sẽ nương oai thần của Phật chỉ nói lại nghĩa này".

Phật bảo: Hãy nói đi !

Thắng Man bạch Phật :

"Có ba hạng thiện nam tử, thiện nữ nơn đối với nghĩa lý sâu xa, lìa bỏ sự tự hủy thương, phát sanh công đức vào đại thừa đạo!"

Ba hạng ấy là gì ? Đó là thiện nam tử, thiện nữ nơn tự thành tựu thậm thâm pháp trí, là thiện nam tử, thiện nữ nơn tùy thuộc pháp trí và là thiện nam tử, thiện nữ nơn đối với pháp sâu xa không tự mình hiểu rõ, chỉ nhờ Thế Tôn, đây không phải cảnh giới của mình, chỉ nhờ Phật mới biết hạng đó gọi là thiện nam tử, thiện nữ nơn chỉ nhờ Như Lai.

Trừ các thiện nam tử, thiện nữ nơn này, các chúng sinh khác đối với các pháp sâu xa, cố chấp cứng nhắc, nói quấy nói quá sai trái chánh pháp và các ngoại đạo hủ bại chúng tử, thì cần phải dùng sức của vua và sức của trời, rồng thần quỷ mà điều phục chúng.

Bấy giờ Thắng Man cùng các quyền thuộc đánh lễ dưới chân Phật, Phật bảo:

- Hay thay ! Hay thay ! Thắng Man đối với chánh pháp sâu xa hãy dùng phương tiện bảo vệ hàng phục phi pháp cho khéo léo. Người đã gần gũi trăm ngàn ức Phật mới thuyết minh được nghĩa lý này.

Bấy giờ Thế Tôn phóng hào quang sáng chói chiếu khắp đại chúng, thăng thân lên hư không cao 7 cây đa la, đi bộ trên không trở về nước Xá Vệ.

Khi ấy Thắng Man phu nơn cùng các quyền thuộc chấp tay hướng về đức Phật chiêm ngưỡng không chán, mắt không rời Phật, cho đến khi quá tầm nhìn, ai nấy vui mừng hớn hở ca ngợi công đức của Như Lai, ghi nhớ tất cả về Phật trở vào thành đến nơi vua Hữu Xứng ca ngợi đại thừa, đem đại thừa giáo hóa nữ giới trong thành từ bảy tuổi trở lên. Vua Hữu Xứng đem đại thừa giáo hóa nam giới trong thành từ bảy tuổi trở lên. Nhân dân cả nước đều hướng về đại thừa.

Bấy giờ Thế Tôn vào rừng Kỳ Hoàn, bảo trưởng lão A Nan, và nghĩ đến trời Đế Thích, liền khi ấy Đế Thích cùng các quyền thuộc thoát đến ngay trước mặt

Phật. Bảy giờ Thế Tôn nhìn trời Đế Thích và trưởng lão A Nan giảng nói kinh này, giảng xong bảo Đế Thích rằng:

"Người hãy thụ trì đọc tụng kinh này, Kiều Thi Ca, thiện nam tử, thiện nữ nhơn trong số kiếp như cát sông Hằng tu hạnh Bồ đề thật hành sáu Ba la mật, nhưng lại có thiện nam tử thiện nữ nhơn nghe nhận đọc tụng cho đến gìn giữ quyển kinh, thì phúc báo còn nhiều hơn thiện nam tử, thiện nữ nhơn kia, hưởng chi còn vì người giảng nói rộng rãi. Cho nên Kiều Thi Ca ! Hãy thụ trì đọc tụng kinh này và giảng nói rộng khắp ba mươi ba cõi trời".

Xong Phật bảo A Nan:

"Người cũng phải thụ trì đọc tụng, vì bốn chúng giảng nói rộng rãi".

Khi ấy trời Đế Thích bạch Phật rằng :

"Thưa Thế Tôn ! Kinh này tên chi, phụng trì như thế nào".

Phật bảo :

" Đế Thích ! Kinh này thành tựu vô lượng vô biên công đức, tất cả Thanh văn Duyên giác đều không thể quán sát một cách rốt ráo mà thấy biết được.

- Kiều Thi Ca ! Phải biết kinh này rất sâu xa vi diệu, chứa nhóm công đức lớn. Nay ta vì người lược nói tên kinh này. Người hãy lắng nghe, người hãy nghe và ghi nhớ kỹ.

Bảy giờ trời Đế Thích và trưởng lão A Nan bạch Phật rằng:

"Hay thay ! Thế Tôn xin vâng lời dạy bảo".

Phật nói:

"Kinh này ca ngợi ý nghĩa chân thật đệ nhất công đức của Như Lai. Hãy thụ trì như vậy.

- Ca ngợi sự nhận lãnh trọng đại không thể nghĩ bàn. Hãy thụ trì như vậy.
- Ca ngợi tất cả nguyện đều thu nhiếp vào nguyện lớn. Hãy thụ trì như vậy.
- Nói về nhiếp thụ chánh pháp không thể nghĩ bàn. Hãy thụ trì như vậy
- Nói về sự hội nhập nhất thừa. Hãy thụ trì như vậy.
- Nói về vô biên thánh đế. Hãy thụ trì như vậy.
- Nói về Như Lai tạng. Hãy thụ trì như vậy.
- Nói về pháp thân. Hãy thụ trì như vậy.

- Nói về không nghĩa ản phú chân thật. Hãy thụ trì như vậy.
- Nói về một thánh đế. Hãy thụ trì như vậy.
- Nói về một sở y thường trú an ổn. Hãy thụ trì như vậy
- Nói về điên đảo và chân thật. Hãy thụ trì như vậy.
- Nói về tâm tự tánh thanh tịnh ản phú. Hãy thụ trì như vậy.
- Nói về đệ tử chân thật của Như Lai. Hãy thụ trì như vậy.
- Nói về phu nhân Thắng Man rống tiếng rống sư tử. Hãy thụ trì như vậy.
- Nay Kiều Thi Ca ! Những điều kinh này giảng nói cắt đứt mọi nghi ngờ, quyết định rõ nghĩa, đưa vào đạo nhất thừa.

- Kiều Thi Ca! Vì thế nay ta gọi là kinh Thắng Man phu nhơn sư tử rống, dặn bảo người hãy thụ trì đọc tụng phân biệt giảng nói rộng rãi đến khi nào giáo pháp còn tồn tại".

Đế Thích bạch Phật rằng:

- "Hay thay, Thế Tôn ! Xin cúi đầu nhận lãnh lời chỉ dạy cao quý".

Bấy giờ trời Đế Thích, trưởng lão A Nan, cùng các trời, người, A tu la, Càn thất bà trong đại hội nghe

Phật nói đều hoan hỷ phụng hành.

